

Bản án số: 12/2026/KDTM-ST

Ngày 31/7/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đàn.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Thắng và bà Lương Thị Thuý Dương.

Thư ký phiên tòa: ông Phan Khắc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 20/2026/TLST-KDTM ngày 05 tháng 5 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2026/QĐXXST-KDTM ngày 06/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST-KDTM ngày 17/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V (V1)**; địa chỉ: số H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Hồ Thị Thanh T - Chuyên viên xử lý nợ V1 chi nhánh Q (*Văn bản ủy quyền số 686/2026/UQ-LCC-KHDN MBI ngày 23/7/2026*); có mặt.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH Q1**; địa chỉ trụ sở: số I N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; người đại diện theo pháp luật: bà Bùi Thị L; chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1963; địa chỉ: khu phố F, phường Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 01/4/2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:

Công ty TNHH Q1 (Công ty Q1) thực hiện việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V1) theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Ngày 18/5/2024, ký kết hợp đồng cho vay số CLC-18954-01 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Theo các khế ước nhận nợ kèm theo thì V1 đã giải ngân đủ số tiền vay cho Công ty Q1;

- Ngày 22/5/2024 ký kết hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số QTI/2305 với hạn mức thấu chi là 1.000.000.000 đồng

- Ngày 16/7/2024 ký kết hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số CLC- 21781-01 với hạn mức thấu chi là 1.000.000.000 đồng.

Bảo đảm cho khoản vay, Công ty Q1 ký với V1 Hợp đồng thế chấp số CLC-21781-7998506-HDTC-01 ký kết ngày 16/7/2024, thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại: CAMRY E, mang biển số 74A-082.63, số khung: RN4BN9FK2G1002829, số máy: 6ARP177882, Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 74005593, do Phòng C - Công an tỉnh Q cấp ngày 26/11/2021, thuộc quyền sở hữu của Công ty Q1; bà Bùi Thị L - Giám đốc Công ty Q1 ký với V1 Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-29660/24/SME/BLCN-01 ký kết ngày 18/5/2024 giữa bà Bùi Thị L và V1. Theo đó, bà Bùi Thị L đồng ý bảo lãnh cho Công ty Q1 bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty Q1 đối với bên V1 phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa Công ty Q1 và V1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Q1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, dư nợ chuyển sang nợ quá hạn. V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Q1 thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh tạm tính đến ngày 31/7/2026 là: 1.712.651.661 đồng, trong đó, gốc: 1.419.827.949 đồng, lãi: 292.823.712 đồng.

- Buộc Công ty Q1 tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký;

- Xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ;

- Buộc bà Bùi Thị L thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nếu Công ty Q1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1.

** Bị đơn Công ty Q1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L:*

Không nộp văn bản trình bày ý kiến nhưng tại các phiên hòa giải, bà Hoàng Thị Nguyệt Á - Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Công ty Q1 và bà Bùi Thị L thừa nhận việc ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh với V1. Do việc kinh doanh của Công ty không thuận lợi, mất khả năng tài chính nên chưa thanh toán nợ vay, lãi cho ngân hàng.

Công ty Q1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị L chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của V1 nhưng không đồng ý thỏa thuận, yêu cầu Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* V1 khởi kiện Công ty Q1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, hai bên đều có đăng ký kinh doanh, giao dịch giữa hai bên đều có mục đích lợi nhuận; bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị. Đây là vụ án kinh doanh, thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt đương sự:* Công ty Q1 và bà Bùi Thị L đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét tính hợp pháp, hiệu lực thi hành của hợp đồng tín dụng:*

Việc xác lập quan hệ tín dụng giữa V1 và Công ty Q1 là hoàn toàn hợp pháp, được thực hiện bởi các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và thẩm quyền giao kết theo đúng quy định pháp luật, tuân thủ đúng Điều lệ Công ty và các văn bản ủy quyền nội bộ của Ngân hàng; nội dung, điều khoản trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ chặt chẽ, minh bạch về quyền và nghĩa vụ của các bên. Các quy định về thời hạn cho vay, lãi suất thả nổi, lãi suất nợ quá hạn đều được thỏa thuận cụ thể, phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực thi hành.

[2.2] *Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi:*

Căn cứ vào nội dung thỏa thuận về thời hạn trả nợ trong hợp đồng và khế ước nhận nợ, Công ty Q1 đã vi phạm thời hạn trả nợ tiền vay kể từ ngày 16/6/2025, V1 chuyển sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. V1 đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện nhưng Công ty Q1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thường xuyên vi phạm các cam kết trả nợ, do đó V1 thực hiện quyền khởi kiện để thu hồi là có cơ sở. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2026, dư nợ gốc là 1.419.827.949 đồng và lãi 292.823.712 đồng, cụ thể:

- Số tiền nợ của Hợp đồng cho vay số CLC-18954-01 ngày 18/5/2024 và 04 khế ước nhận nợ kèm theo là: 1.175.831.508 đồng, trong đó: gốc: 989.264.037 đồng; lãi trong hạn: 10.693.370 đồng; lãi quá hạn: 174.669.997 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn: 1.204.104 đồng.

- Số tiền nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số CLC-21781-01 ngày 16/7/2024 là: 536.820.155 đồng, trong đó: gốc: 430.563.912 đồng; lãi trong hạn: 19.908.507 đồng; lãi quá hạn: 84.269.615 đồng; lãi chậm trả lãi trong hạn: 2.078.121 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc hội, Thông tư 39/2016/TT - NHNN

ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; trường hợp nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Hội đồng xét xử thấy rằng cách tính lãi, mức lãi quá hạn, thời gian tính lãi, số tiền lãi trong hạn, quá hạn như nguyên đơn yêu cầu là chính xác, đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng, khế ước nhận nợ, phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95, 96 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc và lãi là 1.712.651.661 đồng.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Xét Hợp đồng thế chấp số CLC-21781-7998506-HDTC-01 ký kết ngày 16/7/2024, thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại: CAMRY E, mang biển số 74A-082.63, số khung: RN4BN9FK2G1002829, số máy: 6ARP177882, Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 74005593, do Phòng C - Công an tỉnh Q cấp ngày 26/11/2021, thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH Q1.

Các bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, hợp đồng thế chấp đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, đã được công chứng và thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thi hành. Do đó việc V1 yêu cầu phát mại tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty Q1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho V1 là có cơ sở, đúng quy định tại các Điều 299, 317, 319, 320, 323 BLDS nên được chấp nhận.

[4] Đối với Hợp đồng bảo lãnh:

Ngày 18/5/2024 giữa bà Bùi Thị L và V1 ký kết Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-29660/24/SME/BLCN-01. Theo đó, bà Bùi Thị L đồng ý bảo lãnh cho Công ty Q1 bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty Q1 đối với bên V1 phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa Công ty Q1 và V1

Các bên ký kết hợp đồng bảo lãnh hoàn toàn tự nguyện, hợp đồng tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và nội dung thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Do đó, việc V1 yêu cầu bà Bùi Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH Q1 trong trường hợp Công ty TNHH Q1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình là có cơ sở, đúng theo quy định tại các Điều 335, 336, 342 BLDS nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 36.000.000 đồng + [(1.712.651.661 đồng - 800.000.000 đồng) x 3%] = 63.379.000 đồng.

Hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 299, 317, 319, 320, 323, 335, 336, 342, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 5, Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Q1 thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2026 là: **1.712.651.661 đồng**, trong đó, 1.419.827.949 đồng, lãi trong hạn 30.601.877 đồng, lãi quá hạn 258.939.612 đồng, lãi chậm trả của lãi trong hạn 3.282.224 đồng phát sinh từ Hợp đồng cho vay số CLC-18954-01 ngày 18/5/2024 và Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số CLC- 21781-01 ngày 16/7/2024.

[2] Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/7/2026) cho đến khi thi hành án xong, Công ty trách nhiệm hữu hạn Q1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký nêu trên.

[3] Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn Q1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản là 01 xe ô tô (nhãn hiệu TOYOTA, số loại: CAMRY E, mang biển số 74A-082.63, số khung: RN4BN9FK2G1002829, số máy: 6ARP177882, Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 74005593, do Phòng C - Công an tỉnh Q cấp ngày 26/11/2021) theo Hợp đồng thế chấp số CLC-21781-7998506-HDTC - 01 ký ngày 16/7/2024.

[4] Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn Q1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì V1 có quyền yêu cầu bà Bùi Thị L thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, trả đủ toàn bộ số tiền mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Q1 phải trả cho V1 theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-29660/24/SME/BLCN-01 ký kết ngày 18/5/2024.

[5] Về án phí:

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Q1 phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm với số tiền 63.379.000 đồng.

- Hoàn trả lại V1 số tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm đã nộp là 30.616.501 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001877 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5).

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[7] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV5 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đàn